TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2026/LĐ - ST
Ngày: 27 - 7 – 2026
V/v: "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mai – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 116/2026/TLST – LĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026 về việc "Tranh chấp yêu cầu tuyên hợp đồng lao động vô hiệu" theo định đưa vụ án ra xét xử số 67/2026/QĐST -LĐ ngày 08 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961.

Địa chỉ: A, khu phố F, phường T, thành phố Đ (địa chỉ cũ: A, tổ G, khu phố A, phường T, thành phố Đ).

- Bị đơn: Công ty cổ phần M1 (tên cũ: Công ty TNHH M1)

Địa chỉ: G, đường N, khu phố H, phường T, thành phố Đ (địa chỉ cũ: 79, đường N, khu phố A, phường T, thành phố Đ).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị Thanh H, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị M – Trưởng phòng hành chính nhân sự.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị N, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 1, tổ G, khu phố F, phường T, thành phố Đ (địa chỉ cũ: 104/20, tổ G, khu

phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào năm 2007, do tuổi đã cao mà vẫn muốn xin việc đi làm để có thu nhập nên bà đã mượn chứng minh nhân dân, thông tin cá nhân của bà Vũ Thị N để giao kết hợp đồng và đi làm tại Công ty TNHH M1 (nay là Công ty cổ phần M1), bà có tham gia Bảo hiểm xã hội tại Công ty M1 trong khoảng thời gian từ 02/2007 đến tháng 2/2011 với sổ BHXH số 4707109620. Bà đã nhận trợ cấp thất nghiệp và nhận bảo hiểm xã hội một lần đầy đủ theo chế độ.

Trong cùng thời gian này, bà N cũng đi làm và tham gia Bảo hiểm xã hội số sổ 4798111333 tại Công ty Cổ phần T1 từ 06/1996 đến tháng 2/2025, trùng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của bà. Do đó, bà N chưa được nhận chế độ Bảo hiểm xã hội một lần, đã hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Nhận thấy việc mượn hồ sơ của người khác để giao kết Hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết Hợp đồng lao động, việc trùng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội ảnh hưởng đến quá trình giải quyết chế độ Bảo hiểm xã hội của các bên.

Do đó, nay bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động tên Vũ Thị N với Công ty TNHH M1 (nay là Công ty cổ phần M1) từ tháng 02/2007 đến tháng 02/2011 là vô hiệu. Bà không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Về án phí: Bà tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

- Bị đơn Công ty cổ phần M1 (trước đây là Công ty TNHH M1) do bà Bùi Thị M đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Vũ Thị N có ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M1 trong khoảng thời gian từ tháng 02/2007 đến tháng 02/2011. Bà N đã nghỉ việc tại Công ty TNHH M1 từ tháng 03/2011 đến nay đã hơn 15 năm nên công ty không còn lưu hồ sơ xin việc (Theo quy định của công ty thời hạn lưu hồ sơ nghỉ việc là 5 năm).

Trong thời gian bà N làm việc tại Công ty TNHH M1: Công ty đã chi trả tiền lương, tham gia BHXH, BHYT, BHTN và báo cáo thuế thu nhập cá nhân đúng theo quy định của pháp luật. Nay Công ty cổ phần M1 (tên cũ: Công ty TNHH M1) đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ việc đúng theo quy định của Pháp luật.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị N trình bày như sau:

Bà đồng ý với toàn bộ phần trình bày của bà T. Nay bà T khởi kiện thì bà đồng ý, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của việc tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa án trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện Công ty cổ phần M1 (trước đây là Công ty TNHH M1) về việc "Tranh chấp yêu cầu tuyên hợp đồng lao động vô hiệu" là loại vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai. Công ty cổ phần M1 (trước đây là Công ty TNHH M1) có trụ sở tại phường T, thành phố Đ. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 32, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tụng dân sự năm 2015, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019. Tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Bị đơn trình bày hợp đồng lao động giữa Công ty và bà Nguyễn Thị T đã chấm dứt từ tháng 03/2011. Căn cứ khoản 3 Điều 190 Bộ luật lao động 2019 quy định "Thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà bên tranh chấp cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm". Bà T xác định từ ngày 26/3/2026 khi bà N đi làm thủ tục nhận bảo hiểm xã hội một lần mới biết việc đóng trùng bảo hiểm xã hội và ảnh hưởng đến quyền lợi về bảo hiểm xã hội của các bên. Do đó Tòa án vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết yêu cầu của bà T về việc tuyên hợp đồng lao động vô hiệu. Căn cứ Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà T còn trong thời hiệu.

[4] Về nội dung: Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty cổ phần M1 (trước đây là Công ty TNHH M1) và bà Vũ Thị N. Tuy nhiên, Công ty cổ phần M1 (trước đây là Công ty TNHH M1) thừa nhận có ký Hợp đồng lao động và có tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động tên Vũ Thị N nhưng do thời gian đã lâu nên không còn lưu trữ.

Như vậy, thực tế có tồn tại Hợp đồng lao động giữa Công ty cổ phần M1 (trước đây là Công ty TNHH M1) và người lao động có thông tin Vũ Thị N. Đây là tài liệu, chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động Vũ Thị N như sau:

Mã số sổ BHXH: 4798111333. Thời gian đóng: 06/1996-02/2025. Đơn vị sử dụng lao động: Công ty Cổ phần T1. Đã hưởng Trợ cấp thất nghiệp, chưa hưởng Bảo hiểm xã hội một lần.

Mã số sổ BHXH: 4707109620. Thời gian đóng: 02/2007-02/2011. Đơn vị sử dụng lao động: Công ty TNHH M1. Đã hưởng Trợ cấp thất nghiệp, BHXH một lần.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Người lao động tên Vũ Thị N ký kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần M1 (trước đây là Công ty TNHH M1) và làm việc từ tháng 02/2007 đến tháng 02/2011 và được Công ty tham gia BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ thể hiện tại sổ bảo hiểm xã hội số 4707109620.

Bị đơn Công ty cổ phần M1 (trước đây là Công ty TNHH M1) xác nhận có ký kết hợp đồng lao động với người lao động có tên Vũ Thị N và có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động từ tháng 02/2007 đến tháng 02/2011. Đến tháng 03/2011 thì bà N nghỉ việc tại Công ty. Hiện hồ sơ lao động của bà N Công ty không còn lưu trữ. Việc bà T mượn hồ sơ của bà N để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty thì thời điểm tuyển dụng Công ty không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ giả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị N xác nhận: Do thiếu hiểu biết pháp luật nên bà đã cho bà T mượn giấy tờ tùy thân của bà để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần M1 (trước đây là Công ty TNHH M1) từ tháng 02/2007 đến tháng 02/2011 thì nghỉ việc cho đến nay.

Việc bà T sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà N để giao kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần M1 (trước đây là Công ty TNHH M1) là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994. Do đó việc bà Nguyễn Thị T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Vũ Thị N (do bà Nguyễn Thị T mượn tên) với Công ty cổ phần M1 (trước đây là Công ty TNHH M1) là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Tuyên hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty cổ phần M1 (trước đây là Công ty TNHH M1) với người lao động tên Vũ Thị N là vô hiệu.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 127 và Điều 132 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" với bị đơn Công ty cổ phần M1 (trước đây là Công ty TNHH M1).

Tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa bà Nguyễn Thị T với Công ty cổ phần M1 (trước đây là Công ty TNHH M1) thời gian làm việc từ tháng 02/2007 đến tháng 02/2011 là vô hiệu.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009997 ngày 04/5/2026 tại Cơ quan Thi hành án dân sự Thành phố Đ. Bà T đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự Thành phố Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thúy